

Số: 29 /2026/TT-BYT

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định về thực hành công tác xã hội và cập nhật kiến thức công tác xã hội

Căn cứ Nghị định số 110/2024/NĐ-CP của Chính phủ về công tác xã hội;
Căn cứ Nghị định số 42/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;
Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội;
Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định về thực hành công tác xã hội và cập nhật kiến thức công tác xã hội.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 110/2024/NĐ-CP về công tác xã hội về:

- Thực hành công tác xã hội tại điểm b khoản 1 Điều 45;
- Cập nhật kiến thức công tác xã hội tại Điều 34;
- Hướng dẫn xây dựng khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức công tác xã hội tại khoản 2 Điều 37.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

- Cơ sở thực hành công tác xã hội;
- Cơ sở cập nhật kiến thức công tác xã hội;
- Người thực hành công tác xã hội, người hành nghề công tác xã hội;
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II
THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

Điều 3. Xây dựng nội dung thực hành

- Thực hành công tác xã hội được thực hiện tại các đơn vị, cơ sở có cung cấp dịch vụ công tác xã hội theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 Nghị định

số 110/2024/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là cơ sở thực hành công tác xã hội). Cơ sở thực hành công tác xã hội xây dựng nội dung thực hành công tác xã hội.

2. Nội dung thực hành công tác xã hội bao gồm:

- a) Đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội;
- b) Năng lực, trình độ chuyên môn về công tác xã hội;
- c) Kỹ năng thực hành về công tác xã hội;
- d) Kỹ năng truyền thông, vận động nguồn lực, kết nối thực hiện các hoạt động công tác xã hội;
- đ) Kỹ năng phối hợp thực hiện các hoạt động công tác xã hội.

3. Nội dung cơ bản thực hành công tác xã hội cụ thể quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Thời gian thực hành công tác xã hội

1. Thời gian thực hành đối với trình độ đại học trở lên từ đủ 12 tháng, tương ứng với 800 giờ thực hành được thực hiện trong khoảng thời gian đăng ký thực hành.

2. Thời gian thực hành đối với trình độ cao đẳng từ đủ 09 tháng, tương ứng với 650 giờ thực hành được thực hiện trong khoảng thời gian đăng ký thực hành.

3. Thời gian thực hành đối với trình độ trung cấp từ đủ 06 tháng, tương ứng với 500 giờ thực hành được thực hiện trong khoảng thời gian đăng ký thực hành.

4. Cơ sở thực hành công tác xã hội và người thực hành sắp xếp thời gian hợp lý trên cơ sở thỏa thuận để bảo đảm thực hành đủ nội dung thực hành theo quy định, không bắt buộc phải thực hành đủ thời gian theo giờ hành chính hoặc giờ làm việc của cơ sở.

5. Trong quá trình thực hành công tác xã hội, người thực hành được tham gia tập huấn các quy định pháp luật về công tác xã hội, an sinh xã hội, chuyên môn về công tác xã hội, đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề công tác xã hội với tổng thời lượng là 10 buổi (mỗi buổi 04 tiết học; 1 giờ thực hành được tính là 1 tiết học). Thời gian tập huấn được tính vào tổng thời gian thực hành công tác xã hội. Người thực hành công tác xã hội tham gia tập huấn phải cung cấp tài liệu minh chứng cho cơ sở thực hành để làm cơ sở tính thời gian thực hành công tác xã hội.

Điều 5. Xây dựng kế hoạch hướng dẫn thực hành

1. Dựa trên tổng hợp nhu cầu của người thực hành, khả năng tiếp nhận người thực hành, cơ sở thực hành công tác xã hội xây dựng kế hoạch hướng dẫn thực hành trước ngày 15 tháng 01 hằng năm.

2. Kế hoạch hướng dẫn thực hành bao gồm số lượng người thực hành mà cơ sở có thể tiếp nhận trong năm, số lượng và danh sách người hướng dẫn thực hành.

3. Cơ sở thực hành công tác xã hội gửi kế hoạch hướng dẫn thực hành công tác xã hội hằng năm đến cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 01 tháng 02 hằng năm để tổng hợp, theo dõi và quản lý hoạt động hướng dẫn thực hành. Đồng thời, cơ sở thực hành công tác xã hội phải đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ sở đó (nếu có).

Điều 6. Hướng dẫn thực hành

1. Cơ sở tổ chức việc thực hành công tác xã hội được thực hiện theo Điều 36 Nghị định số 110/2024/NĐ-CP.

Trường hợp có nhiều người hướng dẫn thực hành cho một người thực hành thì người đứng đầu cơ sở thực hành công tác xã hội phải phân công rõ phạm vi hướng dẫn và thời gian hướng dẫn thực hành cụ thể của từng người hướng dẫn thực hành. Người hướng dẫn thực hành hướng dẫn nội dung nào thì phải nhận xét theo nội dung đó.

2. Việc cấp Giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 110/2024/NĐ-CP.

Chương III

CẬP NHẬT KIẾN THỨC CÔNG TÁC XÃ HỘI

Điều 7. Cơ sở, nội dung cập nhật kiến thức công tác xã hội

1. Cơ sở cập nhật kiến thức công tác xã hội là cơ sở thực hành công tác xã hội và cơ sở quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 110/2024/NĐ-CP.

2. Nội dung cập nhật kiến thức công tác xã hội thực hiện theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Các trường, trung tâm, cơ sở đào tạo về công tác xã hội (sau đây gọi là cơ sở đào tạo) xây dựng và ban hành khung chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức công tác xã hội theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này. Quy trình xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức công tác xã hội thực hiện như sau:

a) Xác định nhu cầu, nội dung cập nhật: Cơ sở đào tạo tiến hành khảo sát, xác định nội dung để xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức công tác xã hội. Việc xác định nhu cầu cập nhật kiến thức được thực hiện trên cơ sở khảo sát nhu cầu của người hành nghề công tác xã hội, yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp, các quy định pháp luật ban hành và định hướng phát triển chuyên môn trong lĩnh vực công tác xã hội;

b) Thành lập Ban hoặc Tổ soạn thảo chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức công tác xã hội: Người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định thành lập Ban hoặc Tổ soạn thảo chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức công tác xã hội. Số lượng thành viên Ban hoặc Tổ soạn thảo phải đáp ứng các điều kiện sau: Có trình độ đại học trở lên thuộc ngành công tác xã hội hoặc ngành, lĩnh vực phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng; Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu hoặc hành nghề công tác xã hội; Ưu tiên người đã tham gia xây dựng chương trình, giáo trình hoặc tài liệu chuyên môn liên quan;

c) Tổ chức xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức công tác xã hội: Ban hoặc Tổ soạn thảo chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng

cập nhật kiến thức công tác xã hội xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức công tác xã hội;

d) Thẩm định chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức công tác xã hội: Người đứng đầu cơ sở đào tạo thành lập Hội đồng thẩm định chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức công tác xã hội. Hội đồng thẩm định có số lượng thành viên là số lẻ, tối thiểu 05 thành viên gồm Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện, ủy viên thư ký và các ủy viên. Thành viên Hội đồng thẩm định không được là thành viên Ban hoặc Tổ soạn thảo chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức công tác xã hội.

Chương trình, tài liệu được thông qua khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Hội đồng tham dự đồng ý. Sau khi có kết luận của Hội đồng thẩm định, Ban hoặc Tổ soạn thảo có trách nhiệm tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện chương trình, tài liệu trước khi trình Người đứng đầu cơ sở đào tạo xem xét ban hành;

đ) Ban hành chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức công tác xã hội: Người đứng đầu cơ sở đào tạo ký quyết định ban hành chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức công tác xã hội sau khi được Hội đồng thẩm định đánh giá đạt yêu cầu theo quy định tại điểm d khoản này; công bố công khai chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức công tác xã hội trên Trang thông tin điện tử của cơ sở (nếu có).

Chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức công tác xã hội được rà soát, cập nhật định kỳ tối thiểu 03 năm một lần hoặc khi có thay đổi quan trọng về chính sách, pháp luật, khoa học, công nghệ và thực tiễn nghề công tác xã hội.

Điều 8. Cập nhật kiến thức công tác xã hội bằng hình thức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về công tác xã hội

1. Khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về công tác xã hội là các khóa đào tạo sử dụng chương trình, tài liệu đào tạo được xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này. Cơ sở cập nhật kiến thức công tác xã hội được sử dụng các chương trình, tài liệu của cơ sở khác đã được ban hành sau khi được cơ sở đó đồng ý bằng văn bản.

2. Hình thức tổ chức: trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến.

3. Cơ sở cập nhật kiến thức công tác xã hội xây dựng kế hoạch tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ sở (nếu có) trước khi tổ chức.

4. Người đứng đầu cơ sở cập nhật kiến thức công tác xã hội lựa chọn và bố trí đội ngũ giảng viên, chuyên gia về công tác xã hội hoặc phối hợp với cơ sở khác để đáp ứng theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

5. Người hành nghề công tác xã hội tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài về công tác xã hội phù hợp với nội dung hành nghề công tác xã hội.

6. Chứng nhận tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn: Người hành nghề sau khi hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn được Người đứng đầu

cơ sở cập nhật kiến thức công tác xã hội tính giờ tín chỉ và cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Mẫu số 02 phụ lục kèm theo Nghị định số 110/2024/NĐ-CP.

Điều 9. Cập nhật kiến thức công tác xã hội bằng hình thức tham gia hội nghị, hội thảo, tọa đàm về công tác xã hội

1. Hội nghị, hội thảo, tọa đàm về công tác xã hội do cơ sở quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 110/2024/NĐ-CP chủ trì tổ chức hoặc phối hợp, tham gia.

2. Hình thức tổ chức: trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến.

3. Chứng nhận tham gia hội nghị, hội thảo, tọa đàm: Người hành nghề công tác xã hội tham gia hội nghị, hội thảo, tọa đàm được Người đứng đầu cơ sở cập nhật kiến thức công tác xã hội tính giờ tín chỉ và cấp giấy chứng nhận cập nhật kiến thức công tác xã hội theo quy định tại Mẫu số 02 phụ lục kèm theo Nghị định số 110/2024/NĐ-CP.

Điều 10. Cập nhật kiến thức công tác xã hội bằng hình thức tham gia biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu chuyên môn về công tác xã hội

1. Người hành nghề công tác xã hội chủ trì hoặc tham gia ban hoặc tổ chuyên môn biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu chuyên môn về công tác xã hội và được đơn vị chủ trì soạn thảo ban hành.

2. Chứng nhận tham gia biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu chuyên môn: Người hành nghề công tác xã hội được Người đứng đầu cơ sở cập nhật kiến thức công tác xã hội tính giờ tín chỉ và cấp giấy chứng nhận cập nhật kiến thức công tác xã hội theo quy định tại Mẫu số 02 phụ lục kèm theo Nghị định số 110/2024/NĐ-CP.

Điều 11. Cập nhật kiến thức công tác xã hội bằng hình thức thực hiện các nghiên cứu khoa học, giảng dạy về công tác xã hội

1. Cập nhật kiến thức công tác xã hội bằng hình thức thực hiện các nghiên cứu khoa học thuộc nội dung hành nghề:

a) Người hành nghề công tác xã hội chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chủ trì hoặc tham gia sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, viết bài báo khoa học trong và ngoài nước có nội dung về công tác xã hội, phù hợp với nội dung hành nghề. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được Hội đồng nghiệm thu kết quả đánh giá đạt yêu cầu hoặc có quyết định công nhận kết quả; sáng kiến, cải tiến kỹ thuật đã được công nhận; bài báo khoa học đã được công bố trên các tạp chí khoa học, bản tin, đặc san ở trong và ngoài nước;

b) Chứng nhận thực hiện các nghiên cứu khoa học: Người hành nghề công tác xã hội được Người đứng đầu cơ sở cập nhật kiến thức công tác xã hội tính giờ tín chỉ và được cấp giấy chứng nhận cập nhật kiến thức công tác xã hội theo quy định Mẫu số 02 phụ lục kèm theo Nghị định số 110/2024/NĐ-CP.

2. Cập nhật kiến thức công tác xã hội bằng hình thức giảng dạy về công tác xã hội thuộc nội dung hành nghề:

a) Người hành nghề công tác xã hội được phân công hoặc mời tham gia giảng dạy các khóa đào tạo cấp văn bằng hoặc các khóa đào tạo để cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận trong lĩnh vực công tác xã hội phù hợp với nội dung hành nghề công tác xã hội;

b) Chứng nhận tham gia giảng dạy về công tác xã hội: Người hành nghề công tác xã hội tham gia giảng dạy về công tác xã hội thuộc nội dung hành nghề được Người đứng đầu cơ sở cập nhật kiến thức công tác xã hội tính giờ tín chỉ đã tham gia giảng dạy và cấp giấy chứng nhận cập nhật kiến thức công tác xã hội theo quy định tại Mẫu số 02 phụ lục kèm theo Nghị định số 110/2024/NĐ-CP.

Điều 12. Cập nhật kiến thức công tác xã hội bằng hình thức tự cập nhật kiến thức công tác xã hội và các hình thức khác

1. Hình thức tự cập nhật kiến thức công tác xã hội và các hình thức khác bao gồm:

a) Người hành nghề công tác xã hội tham gia hướng dẫn luận văn, luận án phù hợp với nội dung hành nghề và luận văn, luận án đó được Hội đồng đánh giá luận văn, luận án thông qua;

b) Người hành nghề công tác xã hội tham gia Hội đồng đánh giá luận văn, luận án; Hội đồng chuyên môn thẩm định chương trình và tài liệu đào tạo, bồi dưỡng về công tác xã hội phù hợp với nội dung hành nghề.

2. Người hành nghề công tác xã hội cập nhật kiến thức công tác xã hội bằng hình thức tự cập nhật kiến thức công tác xã hội và các hình thức khác được Người đứng đầu cơ sở chủ trì các hoạt động hoặc quản lý trực tiếp người hành nghề tính giờ tín chỉ và cấp giấy chứng nhận cập nhật kiến thức công tác xã hội theo quy định Mẫu số 02 phụ lục kèm theo Nghị định số 110/2024/NĐ-CP.

Điều 13. Quy đổi sang giờ tín chỉ và giấy chứng nhận tham gia cập nhật kiến thức công tác xã hội

1. Việc quy đổi sang giờ tín chỉ của các hình thức cập nhật kiến thức công tác xã hội được thực hiện theo Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với việc cập nhật kiến thức công tác xã hội của người hành nghề công tác xã hội do cơ sở nước ngoài tổ chức: Việc xác nhận thời gian tham gia cập nhật kiến thức công tác xã hội do Người đứng đầu cơ sở cập nhật kiến thức công tác xã hội tính giờ tín chỉ và cấp giấy chứng nhận cập nhật kiến thức công tác xã hội theo quy định tại Mẫu số 02 phụ lục kèm theo Nghị định số 110/2024/NĐ-CP.

Chương IV TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của người thực hành và người tham gia cập nhật kiến thức xã hội

1. Tuân thủ nội quy, quy chế của cơ sở thực hành công tác xã hội, cơ sở cập nhật kiến thức xã hội và tuân theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.

2. Bảo đảm an toàn cho đối tượng được cung cấp dịch vụ công tác xã hội trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của đối tượng, cơ sở thực hành công tác xã hội trong quá trình thực hành.

3. Không được tự ý thực hiện các hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ công tác xã hội cho đối tượng khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép, trừ trường hợp khẩn cấp nhằm bảo đảm an toàn, bí mật thông tin của đối tượng.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ sở thực hành công tác xã hội

1. Tổ chức hoạt động hướng dẫn thực hành theo nội dung và kế hoạch hướng dẫn thực hành của cơ sở.

2. Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày người thực hành được cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội, cơ sở thực hành công tác xã hội phải gửi cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh danh sách các đối tượng đã được cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội để theo dõi, quản lý hoạt động hướng dẫn thực hành và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của cơ sở các thông tin người thực hành, bao gồm cả người hướng dẫn thực hành và thời gian người đó thực hành tại cơ sở (Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; đơn vị công tác; thời gian thực hành).

Điều 16. Trách nhiệm của cơ sở cập nhật kiến thức công tác xã hội

1. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí và tạo điều kiện để người hành nghề công tác xã hội được cập nhật kiến thức công tác xã hội; theo dõi, quản lý; xác nhận và tính giờ tín chỉ, tiết học cho người hành nghề tham gia cập nhật kiến thức công tác xã hội.

2. Phân công cán bộ phụ trách, quản lý hoạt động cập nhật kiến thức công tác xã hội của cơ sở.

3. Tổ chức hoạt động cập nhật kiến thức công tác xã hội theo quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm về chất lượng cập nhật kiến thức công tác xã hội do cơ sở thực hiện.

4. Quản lý và lưu trữ hồ sơ, chương trình và tài liệu các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, hồ sơ hội nghị, hội thảo, tọa đàm cập nhật kiến thức công tác xã hội của cơ sở; quản lý việc cấp giấy chứng nhận cập nhật kiến thức công tác xã hội theo đúng quy định của Thông tư này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 8 năm 2026.

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với trường hợp người thực hành công tác xã hội đã được cấp Giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội theo quy định tại Nghị định số 110/2024/NĐ-CP thì không phải thực hành lại. Người đang trong quá trình thực

hành công tác xã hội trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hành theo quy định tại Nghị định số 110/2024/NĐ-CP.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Cục Bảo trợ xã hội có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn, phổ biến, tuyên truyền và triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện Thông tư này tại địa phương. Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Thông tư này trong phạm vi phụ trách; kiểm tra tình hình việc tổ chức thực hành công tác xã hội và cập nhật kiến thức công tác xã hội trên địa bàn quản lý.

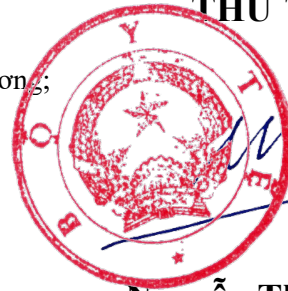
3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo về Bộ Y tế (Cục Bảo trợ xã hội) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Y tế (để phối hợp chỉ đạo);
- Các Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ - Bộ Y tế;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, BTXH, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Liên Hương

PHỤ LỤC 01
NỘI DUNG CƠ BẢN THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 29 /2026/TT-BYT ngày 06 tháng 7 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	NỘI DUNG THỰC HÀNH	TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	
		Trung cấp, cao đẳng	Đại học trở lên
1.	Đạo đức nghề nghiệp công tác xã hội		
	a) Các nguyên tắc cơ bản của công tác xã hội.	Có	Có
	b) Các yêu cầu về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.	Có	Có
	c) Kỷ luật nghề nghiệp.	Có	Có
2.	Chuyên môn về công tác xã hội		
	a) Kỹ năng, nghiệp vụ công tác xã hội trong phạm vi nội dung thực hành.	Có	Có
	b) Lý thuyết và phương pháp thực hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ về công tác xã hội phù hợp.	Có	Có
	c) Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số.	Có	Có
	d) Kỹ năng chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ về công tác xã hội.	Không áp dụng	Có
	đ) Kỹ năng hướng dẫn nghiệp vụ, phổ biến kinh nghiệm và tham gia nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực công tác xã hội; nhận biết nhu cầu trợ giúp của đối tượng và xác định các biện pháp giải quyết.	Không áp dụng	Có
	e) Kỹ năng thực hiện các hoạt động chuyên môn phòng ngừa, can thiệp, trị liệu, chăm sóc, phục hồi, hỗ trợ phát triển, tư vấn, tham vấn, hỗ trợ tâm lý và các hoạt động công tác xã hội khác trong phạm vi nội dung thực hành.	Không áp dụng	Có

3.	Kỹ năng thực hành về công tác xã hội		
	a) Kỹ năng giao tiếp với đối tượng	Có	Có
	b) Kỹ năng thực hiện quy trình cung cấp dịch vụ công tác xã hội - Tiếp nhận, thu thập thông tin và đánh giá nhu cầu trợ giúp của đối tượng. - Xây dựng kế hoạch trợ giúp đối với đối tượng. - Thực hiện kế hoạch trợ giúp đối tượng. - Theo dõi, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch trợ giúp. - Kết thúc quá trình trợ giúp và lưu trữ hồ sơ.	Có	Có
4.	Kỹ năng truyền thông, vận động nguồn lực, kết nối thực hiện các hoạt động công tác xã hội		
	a) Xác định các mục tiêu truyền thông phù hợp với đặc điểm cộng đồng.	Có	Có
	b) Xây dựng nội dung truyền thông phù hợp với đặc điểm văn hoá và điều kiện thực tế của từng vùng, miền.	Không áp dụng	Có
	c) Lựa chọn được các hình thức truyền thông phù hợp với đặc điểm văn hoá và điều kiện thực tế của từng vùng, miền.	Có	Có
	d) Thực hiện truyền thông để thay đổi hành vi của cộng đồng về công tác xã hội.	Không áp dụng	Có
	đ) Vận động nguồn lực, kết nối thực hiện các hoạt động công tác xã hội.	Có	Có
5.	Kỹ năng phối hợp thực hiện các hoạt động công tác xã hội		
	a) Kỹ năng cung cấp, thực hiện các dịch vụ công tác xã hội có yêu cầu đơn giản về lý thuyết, phương pháp và kỹ năng thực hành theo sự phân công gồm: tư vấn, tham vấn, trị liệu, phục hồi chức năng, giáo dục, đàm phán, hoà giải, tuyên truyền.	Có	Có
	b) Tham gia hỗ trợ đối tượng hoà nhập cộng đồng trong phạm vi được phân công.	Có	Có

	c) Tham gia thu thập dữ liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá các nhu cầu cần hỗ trợ của đối tượng theo sự phân công.	Có	Có
	d) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng kế hoạch và thực hiện các công việc theo kế hoạch trợ giúp đối tượng.	Có	Có

PHỤ LỤC 02**NỘI DUNG CẬP NHẬT KIẾN THỨC CÔNG TÁC XÃ HỘI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29 /2026/TT-BYT ngày 06 tháng 7 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	NỘI DUNG CẬP NHẬT	MỤC TIÊU CẬP NHẬT
1	Pháp luật, chính sách và đạo đức nghề nghiệp	Vận dụng đúng các quy định của pháp luật, chính sách và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp về công tác xã hội trong quá trình hành nghề công tác xã hội.
2	Kiến thức chuyên môn công tác xã hội	Cập nhật và vận dụng được các lý thuyết, mô hình, quy trình, phương pháp và hướng dẫn chuyên môn mới về công tác xã hội phù hợp với nội dung hành nghề công tác xã hội.
3	Kỹ năng hành nghề công tác xã hội	Nâng cao năng lực thực hiện các kỹ năng nghề nghiệp như đánh giá, tư vấn, tham vấn, hỗ trợ tâm lý, quản lý trường hợp, can thiệp, tài liệu, hỗ trợ phục hồi, kết nối nguồn lực, biện hộ, truyền thông và phối hợp liên ngành.
4	Quy trình cung cấp dịch vụ công tác xã hội	Cập nhật và vận dụng đúng quy trình cung cấp dịch vụ công tác xã hội; thực hiện đánh giá, lập kế hoạch, triển khai, giám sát, lượng giá và kết thúc can thiệp theo quy định chuyên môn; nâng cao năng lực quản lý hồ sơ, bảo đảm chất lượng dịch vụ, giám sát chuyên môn và cải tiến liên tục trong thực hành công tác xã hội.
5	Ứng dụng công nghệ số trong công tác xã hội	Ứng dụng phù hợp công nghệ số, hồ sơ điện tử, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng trực tuyến trong hoạt động nghề nghiệp công tác xã hội nhằm bảo đảm an toàn dữ liệu và đạo đức nghề nghiệp.
6	Các vấn đề mới về công tác xã hội trong thực tiễn	Cập nhật kiến thức và kỹ năng về công tác xã hội đối với các vấn đề xã hội mới, nhóm đối tượng mới, mô hình cung cấp dịch vụ công tác xã hội mới và các yêu cầu phát sinh trong thực tiễn hành nghề.

PHỤ LỤC 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29 /2026/TT-BYT ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CẬP NHẬT KIẾN THỨC CÔNG TÁC XÃ HỘI

I. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH, TÀI LIỆU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CẬP NHẬT KIẾN THỨC CÔNG TÁC XÃ HỘI

Khung chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức công tác xã hội do cơ sở cập nhật kiến thức công tác xã hội xây dựng, thẩm định và ban hành có các nội dung sau:

1.1. Tên khóa học và giới thiệu chung về khóa học:

- Tên khóa học viết cần ngắn gọn, cụ thể và giới hạn được nội dung khóa học.

1.2. Đối tượng, yêu cầu đầu vào đối với học viên:

Nêu rõ các yêu cầu cụ thể đầu vào để học viên có thể tham gia học như trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp...

1.3. Mục tiêu khóa học:

- Mục tiêu chung
- Mục tiêu cụ thể

1.4. Chương trình cập nhật

- Khối lượng kiến thức:
- Thời gian đào tạo, cập nhật kiến thức:
- Cấu trúc chương trình:

TT	Tên chuyên đề	Số tín chỉ/tiết học		
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận, Thực hành
1	Chuyên đề 1:			
2	Chuyên đề 2:			
3				
4	Ôn tập			
5	Kiểm tra			
6	Khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ			

	TỔNG CỘNG			
--	-----------	--	--	--

1.5. Đánh giá và cấp giấy chứng nhận cập nhật kiến thức công tác xã hội:

- Nêu rõ cách đánh giá sự chuyên cần tham dự lớp, đánh giá thường xuyên, đánh giá cuối khóa về lý thuyết và thực hành, điểm đánh giá thường xuyên trong quá trình học và đánh giá kết thúc khóa học để đảm bảo chất lượng.
- + Đánh giá cuối khóa về lý thuyết: Ghi rõ số lượng câu hỏi, thời lượng.
- + Đánh giá cuối khóa về thực hành kỹ năng: Ghi rõ phương pháp và công cụ đánh giá, địa điểm đánh giá.
- Các điều kiện học viên cần đạt để được cấp Giấy chứng nhận:
 - + Tính chuyên cần: học lý thuyết cho phép vắng mặt không quá 10%, học thực hành không được vắng mặt, trong trường hợp bất khả kháng thì phải học bù.
 - + Điểm đạt về lý thuyết, về thực hành kỹ năng cuối khóa, lưu ý nếu đánh giá lý thuyết thì điểm đạt tối thiểu là 60%, điểm đạt về thực hành kỹ năng trong nghề công tác xã hội > 60%.
 - + Đạt chỉ tiêu thực hành kỹ năng.

II. HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG TÀI LIỆU CẬP NHẬT KIẾN THỨC CÔNG TÁC XÃ HỘI

Căn cứ vào chương trình đã được xây dựng và ban hành, cơ sở cập nhật kiến thức công tác xã hội xây dựng hoặc lựa chọn tài liệu dạy - học cho phù hợp.

2.1. Khối lượng kiến thức

Để đảm bảo cho học viên có tài liệu và sử dụng theo phương pháp học tập tích cực, yêu cầu khối lượng kiến thức cho mỗi tiết học khoảng từ 3-4 trang khổ A4 (cho 1 tín chỉ/tiết). Khuyến khích dùng hình ảnh, sơ đồ minh họa.

Thực hành: Số trang tùy thuộc vào số lượng kỹ năng cần dạy-học với yêu cầu ghi đầy đủ các phương pháp và công cụ được sử dụng để dạy kỹ năng.

2.2. Trình bày tài liệu

- Tập trung trình bày những nội dung trực tiếp liên quan đến mục tiêu, những nội dung cập nhật đã được công nhận rộng rãi; có nội dung thực hành kỹ năng nghề công tác xã hội.
- Có sự cân đối giữa kênh chữ, kênh hình.

2.3. Tác giả

Mỗi tài liệu đào tạo cập nhật kiến thức công tác xã hội nên là một tập thể tác giả, khuyến khích những người có kinh nghiệm thực tiễn trong chuyên môn biên soạn và chuẩn bị tài liệu cho các khóa đào tạo cập nhật kiến thức công tác xã hội.

2.4. Cấu trúc và cách trình bày từng bài

- a) Tên bài học: Theo đúng chương trình.

b) Tên tác giả viết bài: Ghi rõ họ tên, chức danh người biên soạn.

c) Mục tiêu bài: Ghi giống như chương trình.

d) Nội dung bài: Bao gồm phần lý thuyết, phần thực hành

Phần lý thuyết:

- Nội dung cần đảm bảo 4 yêu cầu: 1) Kiến thức cơ bản, hệ thống (đã được thừa nhận, được khẳng định); 2) Chính xác và khoa học (nội dung khoa học chính xác, có chứng cứ); 3) Cập nhật tiến bộ khoa học kỹ thuật, kinh tế, xã hội, các văn bản pháp luật về công tác xã hội; 4) Thực tiễn (đặc biệt đối với thực tiễn Việt Nam).

Phần thực hành:

Nội dung thực hành

- Nêu rõ tên kỹ năng sẽ thực hành, nếu có nhiều kỹ năng thực hành thì cần ghi đủ; tình huống thực hành để thực hành.
- Mỗi tiết thực hành cần tối thiểu 1 bảng kiểm lượng giá hoặc thang điểm hoặc tình huống (trừ bài thực hành 1 kỹ năng mà có nhiều tiết học).
- Các câu hỏi tự lượng giá để ở cuối mỗi bài học. Những câu hỏi này không nhất thiết dùng để làm đề thi hay kiểm tra đánh giá.

PHỤ LỤC 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29 /2026/TT-BYT ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

**BẢNG QUY ĐỔI VÀ TÍNH SỐ GIỜ TÍN CHỈ THEO CÁC HÌNH THỨC
CẬP NHẬT KIẾN THỨC CÔNG TÁC XÃ HỘI**

Quy định: 1 tiết học = 1 giờ tín chỉ (1 tiết học được tính tương đương 1 giờ trên lớp = 50 phút theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học).

Số TT	Hình thức cập nhật và nội dung quy đổi	Cách quy đổi	Ghi chú
1	Tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm về công tác xã hội		
1.1	Các khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn:		
	- Học viên tham gia các khóa đào tạo, tập huấn	1 tiết học = 1 giờ tín chỉ	
	- Giảng viên tham gia giảng dạy	1 tiết học = 1.5 giờ tín chỉ	
1.2	Hội nghị, hội thảo chuyên môn, tọa đàm:		
	- Chủ trì	4 giờ tín chỉ/buổi	
	- Báo cáo viên tham gia trình bày	3 giờ tín chỉ/báo cáo	
	- Đại biểu	2 giờ tín chỉ/buổi	
2	Tham gia biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu chuyên môn về công tác xã hội		
	- Chủ biên hoặc đồng chủ biên	12 giờ tín chỉ/giáo trình, tài liệu	
	- Thành viên	6 giờ tín chỉ/giáo trình, tài liệu	

3	Thực hiện các nghiên cứu khoa học, giảng dạy về công tác xã hội		
3.1	Tham gia các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; sáng kiến, cải tiến kỹ thuật về công tác xã hội:		
	- Chủ trì/thư ký nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.	16 giờ tín chỉ/nhiệm vụ hoặc sáng kiến	
	- Thành viên tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.	8 giờ tín chỉ/nhiệm vụ hoặc sáng kiến	
3.2	Công bố bài báo khoa học quốc tế:		
	- Tác giả thứ nhất hoặc tác giả liên hệ	12 giờ tín chỉ/1 bài báo	
	- Tác giả thứ hai và tiếp theo	6 giờ tín chỉ/1 bài báo	
3.3	Công bố bài báo khoa học trong nước trên các ấn phẩm có chỉ số khoa học (ISSN và ISBN):		
	- Tác giả thứ nhất hoặc tác giả liên hệ	6 giờ tín chỉ/1 bài báo	
	- Tác giả thứ hai và tiếp theo	3 giờ tín chỉ/1 bài báo	
3.4	Tham gia giảng dạy về công tác xã hội thuộc nội dung hành nghề	1 tiết học = 1.5 giờ tín chỉ	
4	Tự cập nhật kiến thức công tác xã hội và các hình thức khác		
4.1	Tham gia hướng dẫn luận văn/luận án:		
	- Hướng dẫn luận án tiến sĩ đã được Hội đồng đánh giá thông qua	25 giờ tín chỉ/luận án	
	- Hướng dẫn luận văn thạc sĩ đã được Hội đồng đánh giá thông qua	15 giờ tín chỉ/luận văn	

	- Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp đại học đã được Hội đồng đánh giá thông qua	10 giờ tín chỉ/luận văn	
	- Đồng hướng dẫn luận văn, luận án	75% mức quy đổi của người hướng dẫn chính	
4.2	Tham gia Hội đồng đánh giá luận văn, luận án		
	- Tham gia Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ	5 giờ tín chỉ/lần tham gia	
	- Tham gia Hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ	4 giờ tín chỉ/lần tham gia	
	- Tham gia Hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp đại học	3 giờ tín chỉ/lần tham gia	
4.3	Tham gia Hội đồng thẩm định chương trình và tài liệu đào tạo, bồi dưỡng		
	- Tham gia Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, bồi dưỡng về công tác xã hội	4 giờ tín chỉ/chương trình	
	- Tham gia Hội đồng thẩm định tài liệu đào tạo, bồi dưỡng về công tác xã hội	3 giờ tín chỉ/tài liệu	